

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 22 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Quang Trung – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 10-5-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: Ba Chỉ) - Sinh ngày: 19 - 4 - 1991, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở hiện nay: Khu phố x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12 Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Văn B (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền sự: Không

- Tiền án:

+ Ngày 20-8-2014 bị Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 273/ HSST ngày 20-8-2014;

+ Ngày 12-9-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 98/2014/HSST ngày 12-9-2014. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 11-9-2018.

- Nhân thân:

+ Ngày 01-8-2012 Trần Văn T bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã trong thời hạn 6 tháng về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

+ Ngày 03 tháng 6 năm 2022 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử 05 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 69/2022/HSST ngày 03-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P trong một vụ án khác.

Bị hại: anh Nguyễn C – Sinh năm: 1902; địa chỉ: khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Quốc B – Sinh năm: 1976; địa chỉ: Số a đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 12/10/2021 tại nhà anh Nguyễn C, sinh năm: 2002, trú tại: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, Trần Văn T hỏi mượn xe mô tô biển số 85D1-39794 của anh C đi mua thuốc lá hút thì được anh C đồng ý giao xe và giấy tờ xe cho T. Đi được khoảng 10 phút thì T mang xe trả lại cho C nhưng chưa đưa giấy tờ và chìa khóa cho C. T tiếp tục ngồi uống rượu với anh C, do đang giữ giấy tờ xe của anh C nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh C. T nói dối anh C là cho T mượn xe đi vào huyện T để lấy tiền thì được anh C đồng ý, T không đi lấy tiền mà điều khiển xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ Ngọc Lâm 2, do anh Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1976, trú tại: Số a đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (làm chủ sở hữu) cầm cố với số tiền 7.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46 ngày 29-11-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận xe mô tô 85D1- 397.94 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 10.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 26/CT-VKS-HS ngày 04-5-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Trần Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho ông Nguyễn Quốc B.

Về xử lý vật chứng: tiếp tục tạm giữ và giao xe mô tô biển số 79L3- 4767, số máy: FMH-A001970, số khung CX 61002222 cho Công an huyện N xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận; nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

* Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến. Quá trình điều tra, truy tố ông Nguyễn Quốc B yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại anh Nguyễn C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa để triệu tập những người này.

[3]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp chứng cứ khách quan được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng nên có đủ cơ sở để xác định được: Tội ngày 12-10-2021, tại nhà anh Nguyễn C (ở khu phố Y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) bị cáo Trần Văn T dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt được tài sản là chiếc xe mô tô biển số 85D1-397.94 trị giá 10.500.000 đồng của anh Nguyễn C sau đó T mang đi cầm cố được 7.000.000 đồng và tiêu dùng cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đã tiền sự về hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 02 lần bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không áp dụng tình tiết ăn năn hối cải đối với bị cáo. Bị cáo được xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là quá trình điều tra hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng thu hồi được tài sản và trả lại cho bị hại”

[6]. Quyết định hình phạt chính đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm xử bị cáo Trần Văn T 05 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tính đến ngày xét xử bị cáo, Bản án số 69/2022/HSST ngày 03-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố P chưa có hiệu lực pháp luật nên không tổng hợp hình phạt với bản án này.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng là phù hợp, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại cho ông B nên ghi nhận trong bản án.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô 85D1-397.94, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển số 85D1-397.94 và Giấy đăng ký xe mô tô biển số 85D1- 39794 là tài sản của anh

Nguyễn C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả cho anh C là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 79L3- 4767, số máy: FMH-A001970, số khung CX 61002222 do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, do xe chưa rõ nguồn gốc nên cơ quan Công an huyện N tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Đối với số tiền 7.000.000 đồng bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho ông B được bị cáo và ông B thỏa thuận trước khi mở phiên tòa nên căn cứ điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11]. Đối với ông Nguyễn Quốc B khi nhận cầm cố xe mô tô cho T, ông B không biết xe này do T có được từ hành vi phạm tội nên không xử lý hình sự là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

* Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B theo đó bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quốc B số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22-6-2022). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

